CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ SỬ DỤNG TÀI CHÍNH CỦA NGHỀ NUÔI TÔM THẺ CHÂN TRẮNG TẠI KHU VỰC TÂN PHÚ ĐÔNG TỈNH ĐỒNG THÁP

ThS. Lê Thị Hồng Trang*

Nghiên cứu này được thực hiện để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng (TTCT) tại khu vực Tân Phú Đông (TPĐ) tỉnh Đồng Tháp năm 2025. Kết quả cho thấy, hiện trạng sử dụng tài chính của nghề nuôi TTCT gồm: tổng chi phí là 217 triệu đồng/ha/vụ, tổng thu là 353,4 triệu đồng/ha/vụ và lợi nhuận là 135,8 triệu đồng/ha/vụ. Có 4 nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài chính của mô hình nuôi TTCT tại khu vực TPĐ là diện tích trại nuôi, tổng doanh thu, chi phí sản xuất và chi phí xây dựng công trình nuôi. Theo đó, lợi nhuận của nghề nuôi TTCT có mối tương quan nghịch với chi phí sản xuất, chi phí xây dựng công trình nuôi và có mối tương quan thuận với diện tích trại nuôi và tổng doanh thu của vụ nuôi.

• Từ khóa: *Đồng Tháp, phân tích tài chính, Tân Phú Đông, tôm thẻ chân trắng.*

This study was conducted to identify the factors affecting the financial efficiency of white leg shrimp farming in Tan Phu Dong area, Dong Thap province in 2025. The results showed that the average financial indicators of the farming model included a total cost of 217 million VND.ha-1.crop-1, total revenue of 353.4 million VND.ha-1crop.-1 and an average profit of 135.8 million VND.ha-1.crop-1. There are four main factors which was influencing on financial efficiency including farm area, total revenue, production cost, and infrastructure construction cost. Profit of while leg shrimp framing was found to have a positive correlation with farm area and total revenue and it showed a negative correlation with production cost and infrastructure construction cost.

• Key words: *Dong Thap, financial analysis, Tan Phu Dong, white leg shrimp.*

Ngày nhận bài: 23/4/2026
Ngày gửi phản biện: 24/5/2026
Ngày duyệt đăng: 20/6/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i314.48

1. Đặt vấn đề

Nuôi tôm thẻ chân trắng (TTCT) là nghề mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao thu nhập người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, mô hình nuôi TTCT phát triển mạnh tại các tỉnh ven biển nước ta nhờ giá trị dinh dưỡng cao và nhu cầu tiêu thụ lớn từ các thị trường như Mỹ, châu Âu và Nhật Bản (Trần Viết Mỹ, 2001). Tại Đồng Tháp, tổng diện tích nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh đạt 4.103 ha và nuôi tôm đã góp một phần rất lớn cho kinh tế tại địa phương (Phương Dung, 2020). Ở Đồng Tháp, Tân Phú Đông (TPĐ) là khu vực ven biển có điều kiện thuận lợi phát triển nuôi TTCT nhờ vị trí nằm giữa hai cửa sông Cửa Tiểu và Cửa Đại. Diện tích nuôi thủy sản hiện vượt 6.000 ha, sản lượng tăng mạnh qua các năm, trong đó năm 2019 đạt gần 65.000 tấn, riêng TTCT chiếm khoảng 45.000 tấn, khẳng định vai trò chủ lực của nghề nuôi tôm tại địa phương (Minh Trí, 2019; Hữu Dư, 2021). Mặc dù nuôi TTCT tại Tân Phú Đông mang lại lợi ích kinh tế đáng kể, nghề nuôi này vẫn đối mặt nhiều thách thức như dịch bệnh, chất lượng giống, ô nhiễm môi trường và biến động giá, làm gia tăng chi phí và rủi ro tài chính. Trong khi đó, các nghiên cứu về hiệu quả sử dụng vốn còn hạn chế, do đó nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính, góp phần tối ưu chi phí, nâng cao lợi nhuận và định hướng phát triển bền vững nghề nuôi TTCT.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thời gian và địa điểm

Nghiên cứu được thực hiện thông qua khảo sát 45 hộ nuôi TTCT từ tháng 8-12/2025 tại khu vực Tân Phú Đông (trước đây thuộc tỉnh Tiền Giang, nay thuộc tỉnh Đồng Tháp). Các hộ được chọn tại ba xã gồm Tân Thới, Tân Thạnh và Phú Tân (địa danh cũ) nhằm đảm bảo tính đại diện cho các vùng sinh

** Trường Đại học Tiền Giang, NCS Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; email: lethihongtrang@tgu.edu.vn*

thái từ nước ngọt đến ven biển, phục vụ phân tích và so sánh hiệu quả tài chính giữa các điều kiện địa lý sản xuất khác nhau.

2.2. Thu thập số liệu

Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 45 hộ nuôi TTCT tại ba xã Tân Thới (17 hộ), Tân Thạnh (16 hộ) và Phú Tân (12 hộ) bằng bảng hỏi soạn sẵn. Các hộ được chọn ngẫu nhiên nhưng đảm bảo đại diện theo quy mô nuôi, với nội dung khảo sát tập trung vào chi phí đầu tư, giá bán, doanh thu và lợi nhuận nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính của mô hình.

2.3. Xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu được, nghiên cứu dùng phần mềm SPSS 20.0 để xử lý thống kê. Nghiên cứu phân tích các số liệu thống kê mô tả như số trung bình, tỷ lệ (%), độ lệch chuẩn, v.v. Mô hình hồi quy đa biến Linear được xây dựng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi TTCT. Các hoạt động sử dụng tài chính và chi phí được tính như sau:

Tổng doanh thu (triệu đồng/ha/vụ) = Sản lượng (kg) x Giá bán (nghìn đồng/kg).

Tổng chi phí (triệu đồng/ha/vụ) = Chi phí cố định (triệu đồng/ha/vụ) + Chi phí biến đổi (triệu đồng/ha/vụ).

Chi phí cố định: bao gồm chi phí đầu tư xây dựng trại, kho thức ăn, công trình nuôi, khấu hao công trình nuôi theo hàng năm.

Chi phí biến đổi: bao gồm các chi phí mua con giống, chi phí sản xuất (thuốc hóa chất, thức ăn, lao động, nhiên liệu, chi phí phát sinh khác).

Lợi nhuận (triệu đồng/ha/vụ) = Tổng doanh thu (triệu đồng/ha/vụ) - Tổng chi phí (triệu đồng/ha/vụ).

Hiệu quả sử dụng tài chính được đánh giá qua thông qua lợi nhuận của vụ nuôi TTCT. Lợi nhuận (Y) của vụ nuôi TTCT được biểu diễn bằng mô hình hồi quy đa biến Linear có dạng như sau:

$$Y = \alpha_0 + \alpha_1 X_1 + \alpha_2 X_2 + \alpha_3 X_3 + ... + \alpha_n X_n$$

Trong đó:

Y là lợi nhuận của vụ nuôi TTCT (triệu đồng/ha/vụ)

α_0 là hằng số; α_1, α_2, α_3... α_n là hệ số của các biến độc lập

$X_1, X_2, X_3, ..., X_n$ là các biến (nhân tố) độc lập có mối tương quan ý nghĩa ($p<0,05$) với lợi nhuận (Y) của nghề nuôi TTCT.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thông tin chung về nông hộ nuôi tôm

Kinh nghiệm nuôi tôm của nông hộ

Kinh nghiệm sản xuất của 45 nông hộ nuôi TTCT ở TPĐ thể hiện qua số năm canh tác và được trình bày qua Bảng 1.

Bảng 1: Kinh nghiệm nuôi tôm của các nông hộ

Kinh nghiệm nuôi tôm (năm)	Tân Thới (n=17)		Tân Thạnh (n=16)		Phú Đông (n=12)		Tân Phú Đông (n=45)	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
1-10	9	52,9	9	56,2	7	58,3	25	55,6
11-20	7	41,2	7	43,8	5	41,7	19	42,2
>20	1	5,9	0	0	0	0	1	2,2
Trung bình (năm)	11,59±5,523[a]		10,94±4,187[a]		10,5±3,754[a]		11,07±4,56	

Ghi chú: Giá trị thể hiện là số trung bình và độ lệch chuẩn. Các giá trị trong hàng trung bình có chứa các ký tự chữ giống nhau thì khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p>0,05).

Trong nuôi tôm thẻ chân trắng, bên cạnh yếu tố kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hiệu quả tài chính của nông hộ. Kết quả khảo sát cho thấy số năm kinh nghiệm nuôi TTCT trung bình của nông hộ tại khu vực Tân Phú Đông đạt 11,07±4,56 năm (Bảng 1). Cụ thể, xã Tân Thới có trung bình 11,59 năm, Tân Thạnh 10,94 năm và Phú Đông 10,5 năm, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($p>0,05$). Nhìn chung, các hộ nuôi TTCT tại khu vực này có kinh nghiệm từ 3-22 năm, trong đó nhóm có 1-10 năm kinh nghiệm chiếm tỷ lệ cao nhất 55,6% (25 hộ), tiếp theo là nhóm 11-20 năm chiếm 42,2% (19 hộ), và trên 20 năm chiếm thấp nhất 2,2% (1 hộ). Điều này cho thấy, phần lớn nông hộ đã có nền tảng kinh nghiệm tương đối vững, góp phần giúp họ lựa chọn mô hình nuôi phù hợp và sử dụng nguồn vốn đầu tư hiệu quả hơn. So sánh với các nghiên cứu trước đây tại Long An cũ (10,27 năm) và Bến Tre cũ (2-17 năm) cho thấy kinh nghiệm nuôi TTCT của nông hộ Tân Phú Đông ở mức tương đương, phản ánh đây là vùng nuôi tôm có lịch sử phát triển lâu năm (Huỳnh Hoàng Quân và Phan Thị Cẩm Nhung, 2017; Nguyễn Hoài Duy Thanh và cộng sự, 2019). Các hộ nuôi có nhiều kinh nghiệm thường kiểm soát tốt chi phí đầu vào, sử dụng hợp lý thức ăn và chế phẩm, qua đó giảm chi phí phát sinh, hạn chế rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận.

Các nguồn học hỏi kỹ thuật nuôi tôm

Đối với nghề nuôi TTCT, việc tìm hiểu và học hỏi kỹ thuật là vô cùng quan trọng, góp phần vào sự thành công của vụ nuôi. Các nguồn học hỏi kinh nghiệm của các hộ nuôi TTCT ở TPĐ được trình bày chi tiết qua Bảng 2.

Bảng 2: Nguồn học hỏi kỹ thuật nuôi tôm của nông hộ

Các nguồn học hỏi kỹ thuật nuôi tôm	Tân Thới		Tân Thạnh		Phú Đông		Tân Phú Đông	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Kinh nghiệm bản thân	12	70,6	14	87,5	12	100	38	84,4
Học hỏi từ bạn bè, đại lý thuốc thủy sản	10	58,8	4	25	4	33,3	18	40
Tham gia tập huấn (khuyến ngư/ công ty)	5	29,4	4	25	0	0	9	20

Qua Bảng 2 cho thấy, nguồn học hỏi kỹ thuật nuôi TTCT của nông hộ tại khu vực Tân Phú Đông chủ yếu đến từ kinh nghiệm bản thân với 38 hộ (84,4%). Trong đó, xã Phú Đông có tỷ lệ cao nhất với 100% (12 hộ), tiếp theo là xã Tân Thạnh với 87,5% (14 hộ) và xã Tân Thới với 70,6% (12 hộ). Điều này cho thấy phần lớn người nuôi đã tích lũy được kiến thức và kỹ năng qua quá trình sản xuất thực tế, từ đó giúp họ chủ động hơn trong việc quản lý kỹ thuật cũng như kiểm soát các khoản chi phí đầu tư trong quá trình nuôi. Bên cạnh đó, nguồn học hỏi từ bạn bè và các đại lý thuốc thủy sản cũng chiếm tỷ lệ tương đối với 18 hộ (40%), trong đó xã Tân Thới chiếm 58,8% (10 hộ), cao hơn so với xã Phú Đông 33,3% (4 hộ) và xã Tân Thạnh 25% (4 hộ). Việc trao đổi kinh nghiệm với các hộ nuôi khác và các đại lý vật tư không chỉ giúp nông hộ cập nhật thông tin kỹ thuật mà còn giúp tham khảo giá cả vật tư đầu vào, qua đó góp phần lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp với khả năng tài chính, giảm thiểu chi phí không cần thiết. Trong khi đó, số hộ tham gia các lớp tập huấn kỹ thuật còn khá thấp với 9 hộ (20%), tập trung chủ yếu ở xã Tân Thới với 29,4% (5 hộ) và Tân Thạnh với 25% (4 hộ), riêng xã Phú Đông không có hộ nào tham gia (0%). Điều này cho thấy, việc tiếp cận các nguồn thông tin khoa học chính thống còn hạn chế, có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các giải pháp kỹ thuật mới cũng như các phương pháp quản lý chi phí hiệu quả. Các hộ nuôi kết hợp kinh nghiệm thực tế với tập huấn kỹ thuật thường có lợi thế trong đầu tư, kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Do đó, tăng cường đào tạo gắn với quản lý tài chính sẽ giúp tối ưu chi phí, giảm rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh tế trong nuôi TTCT.

3.2. Hiện trạng sử dụng tài chính của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng tài chính của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng

Nội dung (triệu đồng/ha/vụ)	Tân Thới	Tân Thạnh	Phú Đông	Tân Phú Đông
Chi phí thức ăn	118,9±58,69^{b}	80,1±23,17^{a}	86,9±25,36^{a}	96,6±43,76
Chi phí con giống	36,9±16,09^{a}	27,6±11,1^{a}	37,7±15,25^{a}	33,8±14,7
Chi phí xây dựng	121,6±72,38^{a}	88,1±24,28^{a}	114,6±32,44^{a}	107,8±50,95
Chi phí sản xuất	257,9±114,07^{b}	177,3±49,87^{a}	201,2±62,84^{ab}	214,1±88,57
Tổng chi phí	260,5±117,67^{b}	179,9±50,37^{a}	204,8±63,47^{ab}	217±90,43
Giá bán	144,8±17,60^{a}	136,1±13,85^{a}	140,4±17,76^{a}	140,5±16,4
Doanh thu	435,4±201,98^{b}	286,8±89,06^{a}	326,1±107,54^{a}	353,4±157,63
Lợi nhuận	173,4±92,57^{b}	106,7±42,59^{a}	121,2±52,37^{a}	135,8±73,03

Ghi chú: Giá trị thể hiện là số trung bình và độ lệch chuẩn. Các giá trị trong cùng một hàng có chứa các ký tự chữ chữ khác nhau thì khác biệt không có ý nghĩa thống kê (p<0,05).

Hiện trạng sử dụng tài chính đầu tư phục vụ cho nghề nuôi TTCT của các nông hộ khảo sát ở TPĐ thể hiện qua Bảng 3.

Các loại chi phí đầu tư

Bảng 3 cho thấy, tổng chi phí đầu tư nuôi TTCT thương phẩm của nông hộ tại khu vực TPĐ đạt khoảng 217 triệu đồng/ha/vụ. Trong đó, tổng chi phí đầu tư tại xã Tân Thạnh (vùng giữa) thấp nhất với 179,9 triệu đồng/ha/vụ, thấp hơn so với xã Tân Thới (206,5 triệu đồng/ha/vụ) và tương đương với xã Phú Đông (204,8 triệu đồng/ha/vụ). Sự khác biệt về tổng chi phí giữa xã Tân Thới và Tân Thạnh có ý nghĩa thống kê (p<0,05), cho thấy mức độ đầu tư tài chính giữa các khu vực có sự khác nhau rõ rệt. Điều này phản ánh xu hướng các hộ nuôi ở khu vực đầu nguồn thường phải đầu tư nhiều hơn cho việc quản lý môi trường, con giống và các biện pháp phòng bệnh nhằm giảm rủi ro trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, mức chi phí đầu tư nuôi TTCT tại khu vực TPĐ vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (khoảng 422 triệu đồng/ha/vụ) (Đặng Thị Phượng và cộng sự, 2020). Việc duy trì mức đầu tư ở ngưỡng vừa phải có thể giúp nông hộ giảm áp lực vốn và hạn chế rủi ro thua lỗ, nhưng đồng thời cũng có thể làm giảm cơ hội nâng cao năng suất do chưa mạnh dạn đầu tư các giải pháp kỹ thuật tiên tiến. Vì vậy, việc phân bổ chi phí đầu tư hợp lý, phù hợp với điều kiện tài chính của từng hộ được xem là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế và tính bền vững của nghề nuôi TTCT tại khu vực Tân Phú Đông.

Trong cơ cấu chi phí nuôi tôm TTCT tại TPĐ, chi phí thức ăn chiếm tỷ trọng lớn nhất (khoảng 96,6 triệu đồng/ha/vụ), do đó có vai trò quyết định đến hiệu quả sử dụng vốn và lợi nhuận của nông hộ. Việc quản lý tốt khẩu phần ăn, kiểm soát hệ số FCR và hạn chế thất thoát thức ăn không chỉ giúp giảm tổng chi phí sản xuất mà còn góp phần nâng cao hiệu quả tài chính và tính bền vững của mô hình nuôi. Chi phí con giống (33,8 triệu đồng/ha/vụ) là khoản đầu tư ban đầu có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất và hiệu quả sử dụng vốn. Lựa chọn giống chất lượng cao tuy làm tăng chi phí ban đầu nhưng giúp giảm rủi ro hao hụt, hạn chế chi phí phát sinh và cải thiện lợi nhuận, cho thấy đây không chỉ là quyết định kỹ thuật mà còn là quyết định tài chính mang

tính chiến lược. Chi phí xây dựng công trình nuôi (108,7 triệu đồng/ha/vụ) là khoản đầu tư cố định có giá trị lớn và được phân bổ khấu hao qua nhiều vụ nuôi. Việc đầu tư hạ tầng hợp lý ngay từ đầu sẽ giúp giảm chi phí vận hành, hạn chế rủi ro và tối ưu chi phí trên mỗi vụ, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn dài hạn của nông hộ. Chi phí vận hành sản xuất (214,1 triệu đồng/ha/vụ) là khoản chi thường xuyên quyết định trực tiếp đến hiệu quả tài chính của từng vụ nuôi. Quản lý tốt các khoản chi như nhân công, thuốc, hóa chất và năng lượng sẽ giúp tối ưu dòng tiền sản xuất, nâng cao năng suất và lợi nhuận; ngược lại, chi tiêu thiếu kiểm soát sẽ làm giảm hiệu quả kinh tế và gia tăng rủi ro tài chính.

Giá bán tôm thương phẩm

Bảng 3 cho thấy, giá bán tôm thương phẩm của nông hộ tại khu vực TPĐ đạt khoảng 140,5 nghìn đồng/kg và không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (p>0,05) giữa 3 xã. Theo Nguyễn Công Tráng và cộng sự (2021) tại tỉnh Long An (cũ) giá bán tôm là 127,5 nghìn đồng/kg, cho thấy giá bán TTCT tại TPĐ cao hơn. Nguyên nhân có thể do sau giai đoạn dịch Covid-19, thị trường tiêu thụ thủy sản dần phục hồi, nhu cầu xuất khẩu tăng trở lại nên giá tôm thương phẩm cũng được cải thiện so với trước đó. Giá bán tôm là yếu tố quyết định trực tiếp đến lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn của nông hộ. Trong bối cảnh phụ thuộc nhiều vào biến động thị trường, việc nâng cao chất lượng tôm và tăng cường liên kết tiêu thụ, chọn thời điểm bán tôm thích hợp được xem là giải pháp then chốt để tối ưu hiệu quả sử dụng tài chính.

Doanh thu của nghề nuôi tôm

Tổng thu (doanh thu) là chỉ tiêu phản ánh trực tiếp hiệu quả sử dụng tài chính và khả năng thu hồi vốn của mô hình nuôi TTCT. Kết quả nghiên cứu cho thấy, doanh thu trung bình tại Tân Phú Đông đạt 353,4 triệu đồng/ha/vụ. So với các nghiên cứu trước đây, doanh thu này thấp hơn đáng kể so với các mô hình nuôi TTCT thâm canh tại Long An trước đây (khoảng 3.200,4 triệu đồng/ha/vụ) và Bến Tre trước đây (2.598,6-2.696,0 triệu đồng/ha/vụ) (Nguyễn Hoài Duy Thanh và cộng sự, 2019; Nguyễn Công Tráng và cộng sự, 2021). Kết quả này phản ánh sự khác biệt về mức độ đầu tư, năng suất và hiệu quả sử dụng vốn giữa các khu vực và theo thời điểm bán tôm. Tổng thu cao giúp nông hộ tăng khả năng bù đắp chi phí và cải thiện lợi nhuận, tuy nhiên hiệu quả kinh tế thực sự còn phụ thuộc vào khả năng kiểm soát chi phí sản xuất và quản lý vốn đầu tư. Do đó, để nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính, người nuôi không chỉ cần tăng sản lượng mà còn cần tối ưu chi phí, lựa chọn thời điểm thu hoạch hợp lý và nâng cao chất lượng tôm thương phẩm để cải thiện lợi nhuận.

Lợi nhuận nuôi tôm

Lợi nhuận là chỉ tiêu phản ánh rõ nhất hiệu quả sử dụng tài chính và khả năng sinh lời của vốn đầu tư. Kết quả Bảng 3 cho thấy, cả 45 hộ khảo sát đều có lợi nhuận. Tuy nhiên, khi so sánh với các nghiên cứu tại Long An trước đây (lợi nhuận khoảng 1.079,6 triệu đồng/ha/vụ), Bến Tre trước đây (khoảng 1.115,9-1.178,8 triệu đồng/ha/vụ) và Cà Mau (657 triệu đồng/ha/vụ) cho thấy, mức lợi nhuận nuôi TTCT ở TPĐ còn thấp hơn đáng kể (Nguyễn Hoài Duy Thanh và cộng sự, 2019; Đặng Thị Phượng và cộng sự, 2020; Nguyễn Công Tráng và cộng sự, 2021). Điều này phản ánh sự khác biệt về mức độ thâm canh, quy mô vốn đầu tư và hiệu quả quản lý chi phí sản xuất giữa các khu vực, đồng thời cho thấy tiềm năng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong mô hình nuôi tại địa phương. Điều này cho thấy dù người nuôi đã sử dụng vốn tương đối hiệu quả nhưng do quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ và mức đầu tư kỹ thuật chưa cao nên hiệu quả tài chính vẫn còn thấp so với các vùng nuôi thâm canh lớn.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng

Hiệu quả sử dụng tài chính của nông hộ nuôi TTCT được đánh giá thông qua lợi nhuận (Y) của vụ nuôi. Phân tích hồi quy cho thấy, đã xác định được 4 nhân tố (X_1, X_2, X_3, X_4) ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài chính của nghề nuôi TTCT ở khu vực TPĐ tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, lợi nhuận nuôi TTCT ở khu vực TPĐ tỉnh Đồng Tháp đã phụ thuộc ý nghĩa (p<0,05) vào các yếu tố gồm diện tích trại nuôi (X_1), chi phí sản xuất (X_2), chi phí xây dựng (X_3) và doanh thu nuôi tôm (X_4). Mô hình hồi quy đa biến của lợi nhuận (Y) phụ thuộc vào 4 nhân tố có dạng như sau:

$$Y = 0,23*X_1 - 0,036*X_2 - 0,997*X_3 + 0,998*X_4$$

(R^2=0,942; sig.=0,003)

Trong đó:

Y: Lợi nhuận của nghề nuôi TTCT (triệu đồng/ha/vụ)

X_1: Diện tích trại nuôi (ha/hộ)

X_2: Chi phí sản xuất vận hành ao nuôi tôm (triệu đồng/ha/vụ)

X_3: Chi phí xây dựng công trình nuôi (triệu đồng/ha/vụ)

X_4: Doanh thu của nuôi tôm (triệu đồng/ha/vụ)

Theo phương trình hồi quy (Y), lợi nhuận của mô hình nuôi TTCT có mối tương quan nghịch với chi phí xây dựng công trình nuôi (X_3; α = -0,036) và đặc biệt là chi phí sản xuất vận hành ao nuôi (X_2; α = -0,997). Điều này cho thấy khi các khoản chi phí đầu tư và vận hành tăng sẽ làm giảm lợi nhuận, qua đó tác động tiêu cực đến hiệu quả sử dụng tài chính của nông hộ (p<0,05). Trong đó, chi phí vận hành (gồm thức ăn, thuốc hóa chất, nhiên liệu, nhân công và chi phí phát sinh) là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến lợi nhuận, cho thấy việc kiểm soát tốt các khoản chi này có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả kinh tế của vụ nuôi. Ngược lại, lợi nhuận có mối tương quan thuận với diện tích trại nuôi (X_1; α = 0,23) và doanh thu bán tôm thương phẩm (X_4; α = 0,998). Điều này cho thấy khi doanh thu tăng sẽ kéo theo lợi nhuận tăng, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Đồng thời, các trang trại có diện tích lớn thường có lợi thế hơn về mặt tài chính do có thể phân tán rủi ro giữa nhiều ao nuôi. Khi một số ao gặp rủi ro dịch bệnh, các ao còn lại vẫn có thể mang lại doanh thu để bù đắp chi phí, giúp toàn trại vẫn duy trì được lợi nhuận. Kết quả này cho thấy để nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính trong nuôi TTCT, người nuôi cần chú trọng kiểm soát tốt chi phí sản xuất và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng, đồng thời cân nhắc mở rộng quy mô hợp lý.

Theo phương trình (Y), khi diện tích trại nuôi (X_1) tăng thêm 1 ha/hộ thì lợi nhuận của nông hộ nuôi TTCT tăng tương ứng 0,23 triệu đồng/ha/vụ. Điều này cho thấy việc mở rộng quy mô sản xuất ở mức hợp lý có thể giúp nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính nhờ tận dụng tốt cơ sở hạ tầng và giảm thiểu rủi ro trong quá trình nuôi. Tương tự, khi doanh thu (X_4) tăng thêm 1 triệu đồng/ha/vụ thì lợi nhuận tăng gần tương ứng 0,998 triệu đồng/ha/vụ, chứng tỏ doanh thu là yếu tố tác động trực tiếp và mạnh nhất đến hiệu quả tài chính của mô hình nuôi TTCT. Ngược lại, khi chi phí sản xuất vận hành (X_2) tăng thêm 1 triệu đồng/ha/vụ thì lợi nhuận giảm 0,036 triệu đồng/ha/vụ; đồng thời nếu chi phí xây dựng công trình (X_3) tăng thêm 1 triệu đồng/ha/vụ thì lợi nhuận giảm 0,997 triệu đồng/ha/vụ. Kết quả này cho thấy, nếu các khoản chi phí đầu tư và chi phí vận hành không được kiểm soát tốt sẽ làm giảm lợi nhuận và kéo theo hiệu quả sử dụng vốn của người nuôi giảm xuống. Ngoài ra, hệ số R^2 = 0,942 cho thấy mô hình giải thích được 94,2% sự biến động lợi nhuận của 45 hộ nuôi TTCT tại TPĐ, cho thấy mức độ phù hợp của mô hình là rất cao. Giá trị Sig. = 0,003 (p<0,05) cũng khẳng định mô hình có ý nghĩa thống kê và độ tin cậy cao.

Tóm lại, kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả sử dụng tài chính của mô hình nuôi TTCT lót bạt tại TPĐ phụ thuộc chủ yếu vào khả năng kiểm soát chi phí và nâng cao doanh thu, trong đó các khoản chi biến đổi như con giống, thức ăn và thuốc hóa chất có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Việc tối ưu chi phí thông qua quản lý sản xuất hiệu quả và tăng cường liên kết giữa các hộ nuôi nhằm giảm giá đầu vào được xem là giải pháp then chốt giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, ổn định lợi nhuận và khẳng định tính hiệu quả kinh tế của mô hình, với bốn yếu tố tác động chính gồm chi phí sản xuất, chi phí xây dựng, doanh thu và diện tích nuôi.

4. Kết luận và đề xuất

Mô hình nuôi TTCT tại TPĐ có tổng chi phí 217 triệu đồng/ha/vụ, doanh thu 353,4 triệu đồng/ha/vụ và lợi nhuận 135,8 triệu đồng/ha/vụ, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn ở mức khá. Hiệu quả này chịu tác động bởi bốn yếu tố chính, trong đó doanh thu và diện tích nuôi tác động tích cực, còn chi phí sản xuất và chi phí xây dựng làm giảm lợi nhuận, nhấn mạnh vai trò then chốt của kiểm soát chi phí để tối ưu hiệu quả tài chính.

Các hộ nuôi TTCT tại TPĐ nên tăng cường liên kết thông qua tổ hợp tác hoặc hợp tác xã để ổn định nguồn cung vật tư với giá hợp lý, qua đó giảm chi phí đầu vào, nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính và cải thiện hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi.

Tài liệu tham khảo:

Trần Viết Mỹ (2001). Cẩm nang nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei). Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn TP. Hồ Chí Minh.

Phương Dung (2020). Thủy sản Tiền Giang góp phần thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Truy cập từ https://snnptnt.tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/thuy-san-tien-giang-gop-phan-thuc-hien-e-an-tai-co-cau-nganh-nong-nghiep/26305448, truy cập ngày 25/06/2025.

Hữu Dư (2021). Tân Phú Đông phát triển phong trào nuôi thủy sản. Truy cập từ https://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/tan-phu-ong-phat-trien-phong-trao-nuoi-thuy-san/32150420, truy cập ngày 25/06/2025.

Minh Trí (2019). Vùng duyên hải Gò Công phát huy tiềm năng nuôi thủy sản xuất khẩu. Truy cập từ http://tiengiang.gov.vn/chi-tiet-tin?/vung-duyen-hai-go-cong-phat-huy-tiem-nang-nuoi-thuy-san-xuat-khau/15311134, truy cập ngày 25/06/2025.

Huỳnh Hoàng Quân và Phan Thị Cẩm Nhung (2017). Phân tích hiệu quả kinh tế kỹ thuật của hệ thống nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) thâm canh và bán thâm canh của huyện Cần Đước tại tỉnh Long An. Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Tiền Giang.

Nguyễn Hoài Duy Thanh, Huỳnh Hữu Tứ và Nguyễn Công Tráng (2019). Phân tích hiện trạng kinh tế của nghề nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) tại Bến Tre. Hội nghị Khoa học trẻ Ngành thủy sản toàn quốc lần 10, Trường Đại học Nha Trang.

Đặng Thị Phượng, Huỳnh Văn Hiền, Nguyễn Thị Kim Quyên, Lê Nguyễn Đoan Khôi và *Nobuyuki Yagi (2020). Hiệu quả kỹ thuật của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei Boone, 1931) qui mô nông hộ ở đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 56(2), trang 110-116.*

Nguyễn Công Tráng, Phan Ngọc Duyên, Lâm Quang Huy, Nguyễn Phương Quyên và Lê Thanh Tùng (2021). "Hiện trạng kĩ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng (Litopenaeus vannamei) trong vùng nước ngọt tại tỉnh Long An. Tạp chí khoa học Trường Đại học Trà Vinh, số 45, trang 97-108.

Nguyễn Thanh Long và Huỳnh Văn Hiền (2015). Phân tích hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng của tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 37, trang 105-111.